

Thứ năm, ngày 1 tháng 2 năm 2024

Vietnam Daily Review

VN-Index hồi phục

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 2/2/2024		●	
Tuần 29/01 - 02/02/2024		●	
Tháng 2/2024		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index mở cửa với nhịp điều chỉnh nhẹ, tuy nhiên ngay sau đó chỉ số bật tăng nhờ dòng tiền của bên mua chiếm ưu thế, đặc biệt là những phút cuối của phiên sáng. Với đà đó, VN-Index tăng một mạch lên vùng 1,174 điểm trong phiên chiều. Chỉ số đóng cửa tăng 8.71 điểm so với phiên trước, ở mốc 1,173.02 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với đà tăng ở tất cả các nhóm ngành. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng ở cả 2 sàn HSX và HNX. Tuy nhiên đà mua ròng của khối ngoại có xu hướng thu hẹp đáng kể. Thanh khoản thị trường trong phiên giao dịch hôm nay có sự giảm so với phiên trước đó. Trong những phiên giao dịch tới, nếu lực mua không đủ lớn tại vùng 1,165-1,170, VN-Index có thể tiếp tục giảm xuống ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 1,150.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL vận động cùng chiều với đà tăng của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong phiên.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 1/2/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+8.71** điểm, đóng cửa **1173.02** điểm. HNX-Index **+1.4** điểm, đóng cửa **230.57** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+1.81)**, **GVR (+1.62)**, **FPT (+1.36)**, **CTG (+0.6)**, **MWG (+0.44)**.
- Kéo chỉ số giảm: **BID (-0.62)**, **VPB (-0.48)**, **TCB (-0.34)**, **VHM (-0.32)**, **VIC (-0.14)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **13004** tỷ đồng, giảm **-38.89%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **15279** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 12.05 điểm. Thị trường có **270** mã tăng, 111 mã tham chiếu, **177** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **61.27** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **PNJ(293.47 tỷ)**, **HPG(61.32 tỷ)**, **MWG(56.53 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **14.64** tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 **+1.18%**. Các mã diễn biến tích cực: **GVR (+6.92%)**, **IDC (+5.66%)**, **FPT (+4.39%)**
- BSC50 **+0.97%**. Các mã diễn biến tích cực: **SZC (+6.92%)**, **VSC (+5.85%)**, **PHR (+5.47%)**

Diễn biến các nhóm ngành và chỉ số

Hóa chất	4.27%	Bất động sản	0.31%
Công nghệ Thông tin	4.27%	Tài nguyên Cơ bản	0.31%
Bán lẻ	2.38%	Điện, nước & xăng	0.29%
Truyền thông	2.00%	Ngân hàng	0.25%
Xây dựng và Vật liệu	1.54%	Hàng cá nhân & Gia	0.18%
Bảo hiểm	1.32%	Y tế	0.02%
Thực phẩm và đồ uống	1.18%	Dầu khí	0.00%
Hàng & Dịch vụ Công	0.93%		
Ô tô và phụ tùng	0.70%	VNSML	0.90%
Du lịch và Giải trí	0.63%	VNMID	0.74%
Dịch vụ tài chính	0.60%	VN30	0.60%

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vi mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Nguyễn Thùy Trang

trangnt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1173.02**

Giá trị: 13003.78 tỷ

8.71 (0.75%)

Khối ngoại (ròng): 61.27 tỷ

HNX-INDEX **230.57**

Giá trị: 1145.85 tỷ

1.4 (0.61%)

Khối ngoại (ròng): 14.64 tỷ

UPCOM-INDEX **88.02**

Giá trị: 456.17 tỷ

0.33 (0.37%)

Khối ngoại (ròng): 7.96 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	75.7	-2.71%
Giá vàng	2,034	-0.10%
Tỷ giá USD/VND	24,415	-0.06%
Tỷ giá EUR/VND	26,330	-0.43%
Tỷ giá JPY/VND	166.32	0.41%
LS liên NH 1 tháng	0.81%	
LS TPCP 5 năm	1.37%	

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
PNJ	293.47	VHM	-72.46
HPG	61.32	VRE	-48.52
MWG	56.53	VIC	-48.08
CTG	17.04	BID	-46.58
VCI	15.98	FUEVFVND	-31.39

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

Phân tích kỹ thuật

TNG_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Xu hướng tăng.

Nhận định: TNG có một phiên giao dịch tốt với một cây nến Marubozu gần như hoàn hảo cùng thanh khoản cải thiện đáng kể vượt ngưỡng trung bình 20 phiên. Đường giá cổ phiếu tiếp tục duy trì xu hướng ở trên đường SMA20 và SMA50. Chỉ báo RSI quay trở lại xu hướng tăng, đường MACD vẫn duy trì ở xu hướng ở trên đường tín hiệu. Nhà đầu tư trung hạn có thể mở vị thế tại ngưỡng 20.7, chốt lãi tại ngưỡng 24.5 và cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống dưới ngưỡng 19.4



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng ngày 01/02/2024

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	75.71	-2.71%	0.83%	7.58%	-1.32%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	80.41	-2.53%	0.46%	5.96%	-2.63%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.23	-3.12%	-0.61%	5.26%	-15.45%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	2.12	2.02%	-6.33%	-11.19%	-16.45%		
TTF Gas	EUR/MWh	30.24	2.87%	4.51%	-1.10%	-49.21%		
Vàng	Ounce	2,034.25	-0.10%	1.08%	-1.20%	4.30%		PNJ
Bạc	Ounce	22.82	-1.50%	0.53%	-3.50%	-4.85%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,219.00	0.02%	-1.71%	-4.28%	-19.62%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	16.08	5.79%	5.93%	0.00%	-10.17%	KDC	VNM, QNS
Cao su	JPY/kg	152.90	0.53%	-0.59%	-1.92%	6.18%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	24.13	0.92%	-1.35%	15.45%	12.92%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS
Ure	USD/T	403.00	0.75%	12.73%	21.20%	-2.89%		DPM, DCM
Niken	LB	16,248.00	0.44%	1.11%	-0.78%	-46.11%		PC1
Đồng	LB	3.89	-0.39%	0.23%	0.58%	-5.34%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Xút	CNY/T	2,370.00	-0.42%	-0.84%	-15.05%	-12.03%		CSV
Thép	CNY/ton	3,897.00	-1.04%	-0.33%	-1.32%	-4.20%		HPG
Nhôm	Ton	2,286.50	0.53%	2.56%	-2.10%	-13.11%	CAV, SAM, TGP, VTH	

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên giao dịch ngày 31/1, dầu thô Brent kỳ hạn tháng 3/2024 đã hết hiệu lực giảm 2.53% xuống 80.41 USD/thùng và giá dầu Brent kỳ hạn tháng 4/2024 giảm 2.3% xuống 80.55 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI giảm 2.71% xuống 75.71 USD/thùng. Cả hai loại dầu đều giảm hơn 2 USD/thùng trong đầu phiên giao dịch.
- Giá dầu giảm, chịu áp lực bởi hoạt động kinh tế tại nước nhập khẩu dầu thô hàng đầu – Trung Quốc – suy yếu và tồn trữ dầu thô của Mỹ bất ngờ tăng, do các nhà sản xuất thúc đẩy sản lượng sau thời tiết băng giá trong tháng này.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0.1% xuống 2,034.25 USD/ounce, sau khi tăng 1% trong đầu phiên giao dịch. Tính chung cả tháng, giá vàng giảm 1.3%, Vàng kỳ hạn tháng 4/2024 trên sàn New York tăng 0.8% lên 2,067.4 USD/ounce.
- Giá vàng giảm, sau khi chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Mỹ, Jerome Powell đẩy lùi kỳ vọng cắt giảm lãi suất vào tháng 3/2024.

Quặng sắt

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 5/2024 trên sàn Đại Liên giảm 3.08% xuống 960.5 CNY (133.74 USD)/tấn – thấp nhất kể từ ngày 23/1/2024. Đồng thời, giá quặng sắt kỳ hạn tháng 3/2024 trên sàn Singapore giảm 2.36% xuống 129.7 USD/tấn – thấp nhất kể từ ngày 23/1/2024.
- Giá quặng sắt trên sàn Đại Liên giảm xuống mức thấp nhất 1 tuần, khi số liệu nhà máy của nước tiêu thụ hàng đầu – Trung Quốc – suy yếu kéo dài, tác động đến tâm lý nhà đầu tư, trong bối cảnh lo ngại mới về sự phục hồi của lĩnh vực bất động sản nước này.

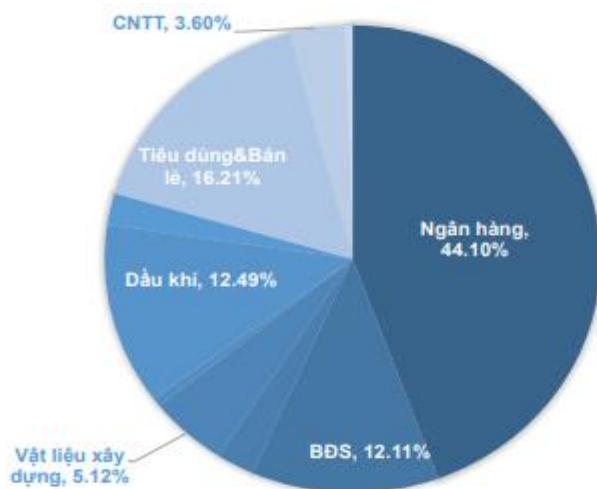
Giá hàng hóa khác

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2024 trên sàn ICE tăng 0.22 US cent tương đương 0.9% lên 24.13 US cent/lb.
- Đồng thời, giá đường trắng kỳ hạn tháng 3/2024 trên sàn London tăng 0.5% lên 666.3 USD/tấn,

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo
VCB	Ngân hàng	89.8	1.5%	0.6	20,574	2.2	6,013	14.9	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	47.2	-0.9%	0.9	11,041	3.0	3,887	12.2	54,578	17.3%	Link
VPB	Ngân hàng	19.2	-1.3%	1.1	6,228	5.1	1,532	12.5	23,685	28.0%	Link
TCB	Ngân hàng	34.2	-1.2%	1.1	4,931	8.7	5,111	6.7	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	21.9	0.7%	1.1	4,681	10.2	3,668	6.0	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	29.8	-0.3%	1.0	2,303	13.0	3,825	7.8	31,200	22.5%	Link
GVR	BDS KCN	24.0	6.9%	1.7	3,927	5.8	583	41.1	19,100	0.3%	Link
KBC	BDS KCN	31.4	3.6%	1.9	986	12.0	1,880	16.7	42,500	20.8%	Link
IDC	BDS KCN	56.0	5.7%	1.1	758	12.5	3,177	17.6	45,900	17.6%	Link
VGC	BDS KCN	54.5	4.2%	1.5	1,002	4.1	3,078	17.7	-	5.4%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	27.8	0.4%	1.3	6,638	12.1	322	86.6	23,300	24.5%	Link
VHM	Bất động sản	41.2	-0.7%	1.4	7,354	12.0	9,468	4.4	79,900	22.4%	Link
VRE	BDS	22.6	0.9%	1.2	2,110	6.4	1,818	12.5	38,900	31.0%	Link
KDH	BDS	30.5	-1.3%	1.4	999	2.2	1,079	28.3	44,100	38.0%	Link
NLG	BDS	39.0	1.4%	1.4	616	2.7	1,257	31.1	46,100	42.9%	Link
DGC	Hóa chất	90.6	0.2%	1.4	1,410	3.9	8,146	11.1	85,000	18.9%	Link
DPM	Phân bón	33.1	1.1%	1.2	531	1.4	4,017	8.2	41,000	10.0%	Link
DCM	Phân bón	32.3	2.1%	1.5	701	4.8	2,091	15.4	36,000	10.9%	Link
GAS	Dầu khí	75.5	0.1%	0.7	7,108	1.6	5,283	14.3	110,500	2.6%	Link
PLX	Dầu khí	34.6	0.0%	0.9	1,802	0.6	2,628	13.2	45,000	17.1%	Link
PVS	Dầu khí	36.9	0.5%	0.9	723	3.7	1,846	20.0	38,500	20.8%	Link
PVD	Dầu khí	27.6	0.0%	1.1	628	2.5	780	35.3	29,000	23.3%	Link
POW	Tiện ích	11.4	0.0%	0.7	1,090	1.2	609	18.6	14,500	4.0%	Link
VNM	F&B	67.5	0.7%	0.8	5,783	6.9	4,027	16.8	81,700	53.9%	Link
MSN	F&B	65.1	1.1%	1.8	3,818	4.5	570	114.2	27,700	28.2%	Link
MWG	Bán lẻ	46.2	2.7%	1.6	2,770	21.4	476	97.0	63,800	44.5%	Link
PNJ	Bán lẻ	91.7	0.2%	0.7	1,258	5.9	5,506	16.7	83,500	49.0%	Link
VHC	Thủy sản	64.5	1.3%	0.9	594	1.2	4,793	13.5	90,900	32.2%	Link
GMD	Logistics	69.0	1.3%	0.8	865	1.1	7,504	9.2	57,000	48.2%	Link
FPT	Công nghệ	99.9	4.4%	0.8	5,201	31.9	5,095	19.6	108,000	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	32.0	1.4%	1.0	7,055	6.7	3,773	8.5	1.3	27.1%	16.1%
ACB	Ngân hàng	26.0	1.0%	0.8	4,140	6.7	4,131	6.3	1.4	30.0%	25.2%
HDB	Ngân hàng	21.8	0.0%	0.7	2,585	5.6	2,926	7.5	1.5	19.6%	23.2%
LPB	Ngân hàng	17.9	1.4%	0.9	1,877	5.8	2,179	8.2	1.3	2.6%	15.9%
VIB	Ngân hàng	20.6	-0.5%	1.1	2,147	3.6	3,375	6.1	1.4	20.5%	28.8%
VND	Chứng khoán	21.8	-0.2%	1.7	1,086	11.4	1,662	13.1	1.6	22.6%	3.8%
TPB	Ngân hàng	17.8	0.0%	1.0	1,611	3.7	2,027	8.8	1.2	29.8%	19.8%
SSI	chứng khoán	34.6	0.7%	1.3	2,129	15.8	1,342	25.8	2.3	43.2%	9.0%
CII	Xây dựng	18.2	0.6%	1.7	238	5.2	368	49.5	-4.5	6.5%	2.6%
C4G	Xây dựng	11.5	-0.9%	1.6	0	0.3	458	25.1	1.1	0.0%	5.2%
CTD	Xây dựng	67.2	-0.4%	1.1	273	4.3	1,388	48.4	0.8	44.3%	0.8%
HHV	Xây dựng	15.4	0.0%	1.4	260	2.8	1,004	15.3	0.7	6.7%	4.2%
LCG	Xây dựng	12.5	1.6%	1.3	97	2.9	456	27.4	1.0	2.1%	3.8%
BCM	KCN	66.0	1.1%	0.8	2,800	2.0	432	152.9	4.1	2.1%	1.7%
HUT	KCN	19.1	-0.5%	1.7	699	3.3	54	355.4	1.9	1.6%	1.3%
PHR	KCN	54.0	5.5%	1.2	300	2.8	4,592	11.8	2.0	15.8%	26.9%
SZC	KCN	41.7	6.9%	1.6	308	6.0	1,827	22.8	2.9	3.2%	10.9%
HSG	Vật liệu	22.9	0.0%	1.6	578	6.9	1,321	17.3	1.3	22.1%	2.3%
HT1	Vật liệu	12.6	0.0%	1.3	196	0.1	44	283.1	1.0	3.1%	1.3%
NKG	Vật liệu	24.0	-0.8%	1.8	259	8.8	(974)	-24.6	1.2	16.0%	13.5%
PTB	Vật liệu	54.3	0.7%	0.5	149	0.1	4,721	11.5	1.4	20.9%	13.4%
KSB	Vật liệu	29.7	1.2%	1.7	93	1.9	1,210	24.5	1.1	3.0%	5.8%
NVL	BDS	16.7	0.0%	1.8	1,335	9.3	(309)	-54.1	0.9	3.5%	1.9%
DXG	BDS	18.6	0.5%	2.1	550	3.7	(456)	-40.8	1.2	20.0%	3.4%
HDC	BDS	31.1	0.6%	1.4	172	1.2	1,898	16.4	2.2	1.3%	16.9%
DIG	BDS	27.4	1.1%	1.9	685	18.1	182	150.8	2.2	5.2%	1.1%
IJC	BDS	15.5	3.7%	1.5	160	2.5	1,569	9.9	1.0	5.9%	10.9%
BSR	Dầu khí	18.6	-0.5%	1.2	0	3.4	2,493	7.5	1.1	0.8%	9.7%
PVT	Dầu khí	26.2	0.8%	0.9	347	1.4	2,926	8.9	1.2	12.3%	16.4%
PLC	Vật liệu	31.7	0.3%	1.3	105	0.2	1,287	24.6	2.0	1.2%	8.5%
DRC	Săm lốp	31.6	-1.2%	0.9	154	1.2	2,086	15.2	2.0	13.6%	13.5%
REE	Tiện ích	55.4	-1.1%	0.8	928	2.0	5,879	9.4	1.3	49.0%	18.5%
GEX	Tiện ích	21.4	-0.2%	2.0	749	7.5	511	42.0	1.5	12.6%	5.4%
NT2	Tiện ích	25.7	0.0%	0.9	303	0.6	1,718	15.0	1.7	13.4%	16.2%
HDG	Bất động sản	26.2	0.2%	1.3	329	1.5	2,194	12.0	1.5	22.8%	16.8%
PC1	Tiện ích	30.2	1.0%	1.4	385	9.2	936	32.3	2.0	8.5%	5.0%
GEG	Tiện ích	13.1	0.0%	0.9	183	0.2	308	42.5	1.0	45.9%	5.6%
BCG	Tiện ích	8.3	0.0%	1.9	181	0.7	(118)	-70.4	0.6	1.7%	0.3%
SAB	F&B	57.5	2.1%	0.8	3,023	1.4	3,286	17.5	3.0	61.7%	18.7%
QNS	F&B	46.7	1.5%	0.5	0	2.7	6,134	7.6	1.9	15.5%	24.3%
FRT	Bán lẻ	118.2	3.1%	0.7	660	2.1	(1,103)	-107.2	10.4	36.2%	11.8%
DGW	Bán lẻ	54.9	1.5%	1.5	376	2.9	2,517	21.8	3.6	23.4%	21.9%
DBC	F&B	27.0	2.5%	1.7	268	9.9	(250)	-107.8	1.4	4.5%	2.9%
PET	Bán lẻ	25.5	0.4%	1.2	112	0.4	735	34.7	1.5	1.0%	5.7%
BAF	F&B	24.7	-0.8%	0.2	145	1.8	139	177.6	2.1	0.3%	10.2%
ANV	Thủy sản	30.4	1.3%	1.1	166	1.2	314	96.6	1.6	3.0%	10.0%
VSC	Logistics	21.7	5.9%	1.2	237	4.9	1,010	21.5	1.0	2.5%	7.9%
HAH	Logistics	37.6	0.9%	1.3	162	2.5	4,676	8.0	1.5	3.9%	24.6%
CTR	Công nghệ	94.5	3.5%	0.9	443	2.8	4,346	21.7	6.0	10.1%	32.1%
TNG	Dệt may	20.7	3.0%	1.0	96	1.7	2,030	10.2	1.4	18.6%	17.1%

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook 4Q2023		x	Click
4	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
5	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639